

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Nhiếp

Bà Phan Thị Trang Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Huỳnh N, sinh năm 1988 (xin vắng).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Huỳnh N trình bày:**

- Về hôn nhân: Năm 2008 qua mai mối nên bà N và ông L tiến đến hôn nhân, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Sau khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông L không quan tâm, chia sẻ trong công việc gia đình cũng như không phụ giúp bà về kinh tế để lo cho con. Bà

N có khuyên nhưng ông L không sửa đổi, dẫn đến hôn nhân không hòa hợp. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không ngủ chung từ tháng 9 năm 2021 dương lịch cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Huỳnh Yên, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 (nữ) và Nguyễn Nhất Thiên, sinh ngày 06/11/2012 (nam). Khi ly hôn bà N yêu cầu nuôi hết 02 người con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân, lý do yêu cầu ly hôn như bà N trình bày là đúng, qua thời gian tìm hiểu thì ông L và bà N kết hôn, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cự cãi về tiền bạc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, lúc nóng giận ông L có đánh bà N nhưng không đánh đập thường xuyên. Ông L xác định trong cuộc sống vợ chồng kinh tế gia đình do bà N lo liệu. Bà N trình bày ông L không phụ giúp về kinh tế để cùng lo cho con là đúng sự thật vì do ông làm ăn bị thua lỗ. Ông L xác định vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không ngủ chung từ tháng 9 năm 2021 dương lịch cho đến nay.

Nay ông L vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn. Ông hứa hẹn sẽ khắc phục, sửa chữa tính tình và chăm sóc tốt cho vợ con, mong bà N cho ông cơ hội để hàn gắn hôn nhân.

- Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Huỳnh Yên, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 (nữ) và Nguyễn Nhất Thiên, sinh ngày 06/11/2012 (nam).

Trường hợp ly hôn, ông L yêu cầu nuôi hết 02 người con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà N nuôi con thì việc cấp dưỡng nuôi con ông tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Trường hợp ly hôn ông L tự thỏa thuận với bà N và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Phạm Huỳnh N và bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Huỳnh N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L, yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông L cư trú tại ấp T, xã H, huyện N, tỉnh C . nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Phạm Huỳnh N có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông L.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Huỳnh N và ông Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau vào ngày 07 tháng 11 năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 255 nên hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà N trình bày trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 4 năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tài chính, ông L không quan tâm, chia sẻ trong công việc gia đình. Ông L xác định vợ chồng có xảy ra cự cãi về tiền bạc, bất đồng quan điểm, lúc nóng giận ông L có đánh bà N nhưng không đánh đập thường xuyên. Hiện nay ông còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ khi bà N nộp đơn yêu cầu ly hôn đến nay đã một thời gian nhưng ông L không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, tại phiên hòa giải bà N và ông L đều xác định vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác.....*”. Từ những phân tích trên cho thấy bà N và ông L đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông L đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Huỳnh N, cho bà Phạm Huỳnh

N được ly hôn với ông Nguyễn Văn L theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Bà Phạm Huỳnh N và ông Nguyễn Văn L có 02 người con tên Nguyễn Huỳnh Yên, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 (nữ) và Nguyễn Nhất Thiên, sinh ngày 06/11/2012 (nam). Hiện đang sống cùng gia đình, bà N và ông L đều có yêu cầu được nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu nuôi con của các đương sự là chính đáng, tuy nhiên giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần phải cân nhắc, xem xét, điều kiện kinh tế của cha mẹ để đảm bảo quyền lợi của các con về mọi mặt.

Quá trình giải quyết vụ án bà N cung cấp cho Tòa án Đơn xin xác nhận thu nhập có xác nhận của chính quyền địa phương xã Hàm Rồng về việc hiện nay bà N sinh sống bằng nghề ương gièo cua giống, có thu nhập là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng, diện tích ao gièo là 120m² và số lượng ao gièo là 05 ao (bút lục số 37). Đối với ông L có yêu cầu nuôi con nhưng không chứng minh được thu nhập kinh tế của ông. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Do đó, ông L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Ngày 22 tháng 6 năm 2022 Tòa án triệu tập bà N và ông L tham gia phiên làm việc ghi lời trình bày của cháu Huỳnh Yên và Nhất Thiên nhưng ông L vắng mặt không lý do. Tại phiên làm việc có sự chứng kiến của bà N, các cháu đều có nguyện vọng sống chung với bà N và không yêu cầu gì đối với ông L.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N, giao hai người con chung là Nguyễn Huỳnh Yên và Nguyễn Nhất Thiên cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch bà Phạm Huỳnh N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Phạm Huỳnh N được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

- Về nuôi con chung: Giao hai người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Yên, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 (nữ) và Nguyễn Nhất Thiên, sinh ngày 06/11/2012 (nam) cho bà Phạm Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí:

Bà Phạm Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015557 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Ngân